Quan điểm của Hồ Chí Minh về pháp luật và vận dụng vào công tác xây dựng pháp luật hiện nay

PGS, TS TRẦN THỊ MINH TUYẾT
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: tuyetminh1612@gmail.com

Nhận ngày 02 tháng 2 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 3 năm 2022.

Tóm tắt: *Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Hồ Chí Minh, Người không chỉ tìm ra con đường giải phóng dân tộc mà còn sáng lập thành công Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đặt nền móng cho nền pháp lý Việt Nam hiện đại. Trong bài viết này, tác giả không chỉ phân tích một số quan điểm đặc sắc của Hồ Chí Minh về pháp luật mà còn nêu phương hướng vận dụng vào công tác xây dựng luật pháp nhằm hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước như trong chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ XIII.*
Từ khóa: *Hồ Chí Minh; pháp luật; xây dựng pháp luật.*

Abstract: *During his outstanding revolutionary career, Ho Chi Minh not only found the way for national liberation but also established the Democratic Republic of Vietnam and laid the foundation for modern Vietnamese legislation. In this article, the author analyzes some of Ho Chi Minh's distinctive viewpoints on legislation and mentions the direction to apply his ideology to law-making in order to synchronize Vietnam's development institutions as stated in the 13th Party Congress's policy.*
Keywords: *Ho Chi Minh; legislation; law-making.*

Trong di sản lý luận của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh không để lại những trước tác bàn riêng về pháp luật nhưng những chỉ dẫn và hoạt động thực tiễn của Người chứng tỏ: Người luôn quan tâm và xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam theo một chủ kiến hết sức sâu sắc. Nền pháp luật do Hồ Chí Minh tạo dựng đã trải qua chặng đường hơn 75 năm nhưng sự phát triển mọi mặt của đất nước, quá trình hội nhập quốc tế và nhiệm vụ chống tham nhũng đòi hỏi hệ thống pháp luật Việt Nam phải tiếp tục được tăng cường về số lượng và chất lượng. Những quan điểm của Hồ Chí Minh về pháp luật có giá trị soi đường cho công tác lập pháp và hoàn thiện pháp chế nhằm tạo đà cho đất nước phát triển.

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về pháp luật

Nếu như chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng thì pháp luật lại là vấn đề cốt yếu của mọi chính quyền. Ngay từ những năm hoạt động ở phương Tây, Nguyễn Ái Quốc đã rất quan tâm đến tư tưởng pháp quyền của các nhà khai sáng như Vonte, Rútxô, Môngtexkiơ. Bằng chứng là báo cáo của mật thám Pháp theo dõi Nguyễn Ái Quốc trong tháng 3.1920 đã ghi rõ: "Hiện Quốc đang dịch một đoạn Tinh thần Luật pháp của Môngtexkiơ sang quốc ngữ"[1]. Người còn dịch tiêu đề "Khế ước xã hội" của Rútxô là "Dân ước"[2] . Không chỉ từ sách vở, thực tiễn bôn ba ở khoảng 30 quốc gia và thời gian sống ở các nước tư bản phát triển nhất như Pháp, Anh, Mỹ cũng như ở nước Nga Xô viết đã bồi đắp cho Người những tri thức vô cùng quý báu về pháp lý, từ pháp lý tư sản cũng như pháp lý vô sản. Trở thành nguyên thủ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm huyết để xây dựng nền pháp luật non trẻ Việt Nam. Người đã có cống hiến to lớn trong lĩnh vực lập pháp khi không chỉ hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp (năm 1946 và 1959) mà còn ký công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật

để hình thành nên một kiểu Nhà nước có nhiều nhân tố cơ bản của một nhà nước pháp quyền. Từ việc kế thừa văn minh pháp lý nhân loại và thực tiễn chỉ đạo xây dựng pháp luật Việt Nam, Người đã khẳng định một hệ thống quan điểm đặc sắc về pháp luật mà nổi bật nhất là các nội dung sau:

Thứ nhất, khẳng định vai trò "tối thượng" của pháp luật trong đời sống xã hội

Ý thức sớm về vai trò của Hiến pháp, pháp luật trong việc đảm bảo quyền tự do, dân chủ cho người dân, cả 8 điều trong "Bản yêu sách của Nhân dân An Nam" mà Nguyễn Ái Quốc gửi Hội nghị Vécxay đều liên quan đến vấn đề luật pháp. Có thể gọi bản Yêu sách đó là "Yêu sách luật pháp". Nhận rõ tính ưu việt của mô hình nhà nước pháp quyền, Nguyễn Ái Quốc dù không trực tiếp sử dụng khái niệm đó nhưng mong muốn về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, về sự ra đời của bản Hiến pháp Việt Nam đã được Người "ấp ủ" từ năm 1922 khi viết trong Việt Nam yêu cầu ca: "Bảy xin hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"[3] . "Thần linh" mà Hồ Chí Minh nói đến ở đây không phải là một sức mạnh siêu nhiên nào đó, mà là sự tối thượng, thiêng liêng, tôn nghiêm của luật pháp khi mọi người đều phải phục tùng và tôn trọng luật pháp, mọi thứ đều được vận hành, điều chỉnh công bằng theo pháp luật. Là con người hành động, khi có quyền lực trong tay, ngay ngày 3.9.1945, giữa bộn bề các công việc cần giải quyết của một chính thể vừa ra đời, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: "Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một *hiến pháp* dân chủ"[4]. Trong khi chờ Hiến pháp ban hành, Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh liên quan cấp thiết đến đời sống đất nước như Sắc lệnh bãi bỏ thuế thân, Sắc lệnh về việc lập bình dân học vụ, Sắc lệnh về cuộc tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội. Ngày 10.10.1945, Người còn ký Sắc lệnh số 47/SL về việc tạm thời sử dụng bộ luật của chế độ cũ, chỉ trừ một số điều luật trái với nền độc lập vừa giành được[5]. Việc nỗ lực cho ra đời Hiến pháp chỉ "sau khi nước nhà mới tự do được 14 tháng" đã chứng tỏ Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò thượng tôn của Hiến pháp, pháp luật. Hiến pháp năm 1946 - bản hiến pháp đầu tiên không chỉ của Việt Nam mà còn của toàn cõi Á Đông, đã đặt nền móng cho nền pháp luật dân chủ Việt Nam.

Thứ hai, nhấn mạnh pháp luật phải khẳng định mọi quyền lực thuộc về nhân dân và bảo vệ quyền lợi của nhân dân

Với quan điểm "Dân là gốc" và lòng yêu dân vô hạn, Hồ Chí Minh muốn xây dựng hệ thống pháp luật đảm bảo vị thế "là chủ" và "làm chủ" của dân. Người khẳng định: "Phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân"[6]. Thực hiện tinh thần đó, điều 1 của Hiến pháp năm 1946 khẳng định: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam". Trong Hiến pháp 1946, quyền công dân được ghi ở chương 2, gồm 18 điều luật bao gồm các quyền trên mọi phương diện dân sự - chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội... Cùng với bước tiến của xã hội, trong Hiến pháp năm 1959, quyền công dân được quy định thành 21 điều, trong đó có một số quyền mới như "quyền khiếu nại, tố cáo đối với bất cứ cơ quan Nhà nước nào về những hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan Nhà nước"; "quyền học tập, quyền tự do nghiên cứu khoa học; sáng tác văn học nghệ thuật và tiến hành các hoạt động văn hóa khác"... Như vậy, dưới sự dẫn dắt của Hồ Chí Minh, quyền của công dân Việt Nam ngày càng được mở rộng.

Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh: Dân là chủ thì pháp luật phải đảm bảo cho dân có quyền kiểm soát nhà nước. Vì thế, điều 6 Hiến pháp năm 1959 ghi rõ: "Tất cả các cơ quan Nhà nước đều phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân". Thậm chí, dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng. Hồ Chí Minh thấu

hiểu, "nhân quyền" và "đặc quyền" luôn đối lập nhau; khi đặc quyền tồn tại thì nhân quyền bị vi phạm, khi nhân quyền được thực thi thì đặc quyền bị xóa bỏ nên để bảo vệ quyền lợi của dân, tất yếu pháp luật phải chống các căn bệnh "cố hữu" của Nhà nước như tham ô, lãng phí, quan liêu. Vì lẽ đó, Hồ Chí Minh đã ban bố Quốc lệnh mà ở đó, tội tham ô cũng phải chịu án "tử hình". Tóm lại, đảm bảo vị thế "là chủ", "làm chủ" và mọi lợi quyền của nhân dân là sứ mệnh của pháp luật.

Thứ ba, khẳng định, pháp luật phải mang tính công bằng, dân chủ và thống nhất

Công bằng là đặc tính hàng đầu của nền pháp chế tiên tiến. Trước cách mạng, Hồ Chí Minh từng tố cáo tính bất công của nền pháp chế thực dân như khi xử án người An Nam thì "xử án và tuyên án theo giấy tờ, vắng mặt người bị cáo... Nếu vụ kiện cáo giữa người An Nam với người Pháp thì lúc nào người Pháp cũng có lý cả, mặc dù tên này ăn cướp hay giết người"[7]. Căm phẫn trước mọi sự bất công nên Hồ Chí Minh yêu cầu pháp luật phải đảm bảo tính bình đẳng, công bằng. Pháp luật công bằng có nghĩa là cùng một đối tượng, cùng một hoàn cảnh và điều kiện như nhau thì quyền và nghĩa vụ như nhau; không được hạn chế quyền của người này mà tăng quyền của người khác. Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng nền pháp lý mà tất cả mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, đều được thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân mà một trong những số đó là quyền bầu cử theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu; ngay cả người không biết đọc, biết viết vẫn được thực thi quyền lợi của mình. Theo Hồ Chí Minh, tính công bằng của luật pháp còn thể hiện ở chỗ: Nghĩa vụ tuân thủ luật pháp không chỉ là trách nhiệm của người dân mà trước hết là trách nhiệm của các cơ quan Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên. Không ai, dù ở bất cứ địa vị nào, được phép "đứng trên" pháp luật.

Hồ Chí Minh khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ" nên pháp luật tất yếu phải mang tính dân chủ. Đặc tính dân chủ của nền pháp lý thể hiện ở hai tiêu chí cơ bản. (1) Pháp luật phải vì dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật sinh ra không vì một cái gì khác hơn là vì dân, không được thể hiện cái gì khác ngoài ý nguyện của nhân dân. Vì dân chính là nguyên tắc cơ bản cho việc xây dựng hệ thống pháp luật của nước ta. (2) Quá trình lập pháp phải thể hiện rõ tính dân chủ, tức người dân phải tham gia tích cực vào quá trình lập pháp. Chỉ đạo việc soạn thảo Hiến pháp năm 1959, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Bản Hiến pháp chúng ta sẽ thảo ra... phải tiêu biểu cho các nguyện vọng của nhân dân... Sau khi thảo xong, chúng ta cần phải trưng cầu ý kiến của nhân dân cả nước một cách thật rộng rãi"[8], kể cả đồng bào miền Nam và kiều bào ở nước ngoài. Ban sửa đổi Hiến pháp có trách nhiệm nghiên cứu kỹ lưỡng tất cả ý kiến đóng góp đó.

Theo Hồ Chí Minh, pháp luật không chỉ cần công bằng, dân chủ mà còn phải có tính thống nhất. Pháp chế thống nhất thì mới có sự "ăn khớp" nhịp nhàng trong hoạt động của bộ máy nhà nước, luật pháp mới được thi hành nghiêm minh và mới chống được căn bệnh phân tán, địa phương chủ nghĩa. Đề cao nguyên tắc công bằng, dân chủ và thống nhất, Hồ Chí Minh hướng đạo nền pháp luật Việt Nam xây dựng theo các nguyên tắc đó.

Thứ tư, Hồ Chí Minh khẳng định pháp luật phải được xây dựng trên nền tảng đạo đức, gắn kết chặt chẽ với đạo đức

Xưa nay, đạo đức và pháp luật là những chuẩn mực giá trị định hướng cho hoạt động của con người, trong đó, chuẩn mực đạo đức là nền tảng để xây dựng luật pháp và luật pháp phải đảm bảo cho các chuẩn mực đó được thực thi hiệu quả. Hồ Chí Minh, ngoài việc chắt lọc những hạt nhân hợp lý trong thuyết "Đức trị" - "Pháp trị" của văn hóa phương Đông, kinh nghiệm "trị quốc" của các bậc minh quân, còn khéo léo vận dụng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa đạo đức và luật pháp vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Suốt đời, Người chủ trương xây dựng nền chính trị đạo đức được đảm bảo bởi sức mạnh của luật pháp, ở đó, pháp luật là "đạo đức tối thiểu", đạo đức là "pháp luật tối đa"; đạo đức là "gốc", pháp luật là "chuẩn". Coi *đạo đức là gốc* của luật pháp

nên khi giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, trước hết Hồ Chí Minh dùng *phương pháp nêu gương*, làm gương; chỉ khi "làm gương không xong, thì sẽ dùng luật pháp mà trị"[9]. Tư tưởng pháp luật và đạo đức phải hòa quyện "làm một" đã được thể hiện trong lời căn dặn của Người về đạo đức công dân: "Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng *đạo đức công dân*, tức là: Tuân theo *pháp luật* Nhà nước"[10]. Tinh thần này còn thể hiện rõ trong *Di chúc* với lời dặn: "Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu… thì Nhà nước phải vừa dùng *giáo dục*, vừa phải dùng *pháp luật* để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện"[11]. Pháp luật là sản phẩm của con người nên việc kết hợp pháp luật với đạo đức phải được đảm bảo từ "gốc rễ" là từ cán bộ làm luật. Vì thế, Hồ Chí Minh yêu cầu, người cán bộ tư pháp vừa phải am hiểu pháp luật, vừa phải thanh liêm, công tâm, phải "nêu cao cái gương "phụng công, thủ pháp, chí công vô tư cho nhân dân noi theo"[12]. Nghĩa là, họ tuyệt đối không được thiên tư, thiên vị, tư thù, tư oán, không được tự cho mình đứng trên và ngoài pháp luật, không được để "nén bạc đâm toạc tờ giấy"... Không chỉ đưa ra chỉ dẫn, khi thực thi quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh luôn thể hiện là một con người thống nhất hài hòa giữa lý trí và tình cảm, luôn bao dung, nhân ái nhưng vẫn nghiêm khắc, công minh để giữ "kỷ cương, phép nước". Lấy đạo đức làm gốc, xây dựng pháp luật trên nền tảng đạo đức và lấy luật pháp làm công cụ củng cố đạo đức là tư tưởng nhất quán của Hồ Chí Minh. Pháp quyền Hồ Chí Minh, do đó, được mệnh danh là "pháp quyền nhân nghĩa".

Thứ năm, yêu cầu pháp luật Việt Nam phải phù hợp với các giá trị tiến bộ của luật pháp quốc tế và tôn trọng luật pháp quốc tế

Khi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, luôn tiến bước cùng trào lưu thế giới thì tất yếu, luật pháp Việt Nam không thể đối lập với luật pháp thế giới. Hơn nữa, Hồ Chí Minh luôn chủ trương duy trì quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước khác trên thế giới nên pháp luật Việt Nam phải là kim chỉ nam cho công tác xây dựng pháp luật về đối ngoại và hội nhập. Vì thế, mặc dù được xây dựng gấp rút nhưng *Lời nói đầu* của bản Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định hiến pháp Việt Nam "cùng nhịp với trào lưu tiến bộ của thế giới và ý nguyện hòa bình của nhân loại"[13]. Sau này, khi chỉ đạo xây dựng Hiến pháp năm 1959, vượt qua những định kiến hẹp hòi về vấn đề ý thức hệ đang rất nặng nề lúc đó, Hồ Chí Minh đã đặt yêu cầu không chỉ phải nghiên cứu kỹ tình hình đất nước, nghiên cứu lại bản Hiến pháp năm 1946 mà còn phải "tham khảo Hiến pháp của các nước bạn và của một số nước tư bản có tính chất điển hình"[14]. Kế thừa pháp lý nhân loại, kể cả pháp lý tư sản, là tầm nhìn và tư duy rộng mở của Hồ Chí Minh vì suy cho cùng, văn minh pháp lý tư sản cũng là thành tựu chung của nhân loại.

Nhận xét tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, cụ Vũ Đình Hòe (nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp giai đoạn 1946 -1960) khẳng định: "Thật hiếm có một lãnh tụ phong trào yêu nước nào trên thế giới lại nắm vững vấn đề pháp quyền như Bác Hồ chúng ta"[15]. Đóng góp của Hồ Chí Minh vào lĩnh vực luật pháp không chỉ tạo ra nền pháp luật Việt Nam hiện đại mà còn được thế giới thừa nhận. Bằng chứng là, nhà nước Miến Điện và Inđônêxia đều trao tặng cho Người danh hiệu tiến sỹ luật học danh dự.

2. Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng pháp luật hiện nay

Xây dựng pháp luật là hoạt động ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định của pháp luật cho phù hợp với nhu cầu của cuộc sống. Kể từ khi đất nước thống nhất đến nay, Nhà nước Việt Nam đã ban hành 3 bản Hiến pháp (1980, 1992 và 2013). Ý thức về vai trò quan trọng của luật pháp đối với sự phát triển của đất nước, ngày 24.5.2005, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành nghị quyết số 48 - NQ/TW *về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm*

2010, định hướng đến năm 2020. Sau 15 năm thực hiện, hệ thống pháp luật nước ta đã có bước chuyển quan trọng sang hệ thống pháp luật của thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Việc ban hành nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh đã tạo khuôn khổ pháp lý để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống đất nước và đảm bảo lợi ích của người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhìn về tổng thể, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện còn không ít hạn chế. Đó là tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, xung đột giữa các văn bản quy phạm pháp luật. Tính ổn định của pháp luật còn thấp, "tuổi thọ" của văn bản pháp luật ngắn nên thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung. Việc phân tích chính sách trước khi ban hành pháp luật còn sơ sài. Việc tổ chức lấy ý kiến, tham vấn các chuyên gia, các tổ chức pháp lý, xã hội và người dân, doanh nghiệp về luật pháp nhiều khi còn mang tính hình thức; các ý kiến góp ý nặng về kỹ thuật trình bày mà chưa tập trung nhiều vào nội dung của dự thảo văn bản. Tình trạng ban hành luật "khung", "luật ống", tức luật mà phải có văn bản hướng dẫn mới có thể thực hiện, đã làm chậm lại quá trình đưa pháp luật vào cuộc sống. Trên thực tế, đã có những văn bản pháp luật không xuất phát từ thực tiễn, thậm chí có yếu tố gây "hài". Trong cuộc sống đã xuất hiện những vấn đề mà luật pháp chưa theo kịp (việc kinh doanh tiền điện tử như Bitcoin, vụ "cướp tiền ảo" xảy ra trên thực tế thì phải xử lý theo chế tài nào?). Bên cạnh đó, tình trạng chậm và nợ văn bản pháp luật vẫn còn tồn tại. Nói gọn lại, chất lượng pháp luật - sản phẩm của công tác xây dựng pháp luật, về nhiều mặt, còn chưa tương thích với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trước thực tế đó, Đại hội XIII đề ra nhiệm vụ: "Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định"[16]. Đại hội còn bổ sung thêm mối quan hệ chủ yếu thứ 10 ở Việt Nam là mối quan hệ giữa "thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội"[17]. Do đó, hoàn thiện hệ thống luật pháp là nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ và là nội dung trọng yếu của tiến trình đổi mới về chính trị ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, việc chuyển hóa ý chí của Nhà nước, của nhân dân thành những văn bản quy phạm pháp luật là một hoạt động vô cùng phức tạp, liên quan đến nhiều "khâu", nhiều chủ thể. Các nguyên tắc về luật pháp của Hồ Chí Minh gợi mở một số phương hướng, giải pháp sau đây cho quá trình hoàn thiện luật pháp ở Việt Nam.

Một là, *luật pháp phải nhanh chóng thể chế hóa quyền con người theo quy định của Hiến pháp*. Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận và ràng buộc trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm, thúc đẩy và thực thi quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền tự do lập hội, quyền biểu tình... Quốc hội khóa XIII và Quốc hội khóa XIV đều "nợ" các văn bản mang tính nhạy cảm này. Sự chậm ra đời của các luật đó thể hiện hạn chế trong công tác xây dựng luật pháp. Tất nhiên là khi có luật thì phải tuyên truyền, giáo dục công dân thực thi quyền của mình trong giới hạn cho phép nhưng không thể vì nó "nhạy cảm", vì lo sợ sự "quá khích" nào đó mà làm chậm lại tiến trình thực thi quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định.

Không chỉ là công cụ quản lý Nhà nước và xã hội, pháp luật còn là công cụ để nhân dân kiểm soát quyền lực của Nhà nước. Đại hội XIII của Đảng bổ sung nội dung mới "Dân giám sát, dân thụ hưởng" vào nguyên tắc "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Vậy phải xây dựng và hoàn thiện *cơ chế giám sát của nhân dân* để biến chủ trương thành thực tế. Phải tạo dựng cơ sở pháp lý sao cho người dân trao quyền mà không mất quyền, các cơ quan và cá nhân được trao quyền mà không tiếm quyền, không biến quyền dân trao thành quyền lực cá nhân. Do đó, hoàn thiện hệ thống pháp lý để bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân như quan điểm của Hồ Chí Minh là phương hướng phát triển của nền pháp luật Việt Nam.

Hai là, *tiếp tục tăng cường tính dân chủ, công khai trong quá trình xây dựng luật pháp*

Như Hồ Chí Minh khẳng định, pháp luật của

ta là pháp luật của dân nên cần mở rộng dân chủ trong quá trình xây dựng luật pháp. Cụ thể, bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng và thẩm tra luật. Đổi mới mạnh mẽ cách thức lấy ý kiến của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của quốc hội; huy động sự tham vấn của các chuyên gia, các nhà khoa học; tăng cường việc đánh giá tác động chính sách và lắng nghe ý kiến của Nhân dân - đối tượng trực tiếp chịu sự tác động của dự luật để bảo đảm tính phản biện, khách quan. Mỗi văn bản quy phạm pháp luật ngay từ khi còn ở dạng xây dựng chính sách đã phải được chuyển tải đến nhân dân chứ không phải đến khi thành dự thảo luật rồi mới lấy ý kiến thì nhiều khi không kịp chỉnh sửa. Việc lấy ý kiến của nhân dân phải chú ý cả 2 điều: Người lấy ý kiến phải thực sự cầu thị với tinh thần trọng dân, hiểu dân; người được lấy ý kiến phải thể hiện ý thức trách nhiệm của mình đối với đất nước. Các cơ quan xây dựng luật phải nghiêm túc tiếp thu các ý kiến đóng góp với tinh thần cầu thị và phải giải trình đầy đủ những điểm mà họ từ chối điều chỉnh. Nói về Hiến pháp năm 1946 do Quốc hội khóa I thông qua, nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài đã đặt câu hỏi: "Tại sao một chính quyền của những người mới ở tù và mới ở trong rừng ra mà lại có thể sản sinh ra được một khối lượng khổng lồ những văn bản pháp luật, mà xét về chất lượng thì cũng không đến nỗi thua kém trình độ chung của thế giới lúc đó"[18]. Điều phi thường đó được lý giải bởi chính sách "cầu hiền tài", trọng dụng các chuyên gia giỏi về luật pháp của Hồ Chí Minh. Quốc hội ngày nay cũng phải học tập ở Hồ Chí Minh cách thức huy động tài trí trong nhân dân vào việc xây dựng pháp luật.

Ba là, *thường xuyên rà soát hệ thống luật pháp, đề phòng lợi ích nhóm*

Pháp luật phản ánh thực tiễn và có vai trò điều chỉnh hành vi con người cho phù hợp với cuộc sống nên những người làm luật phải sâu sát thực tiễn, phải "lắng nghe hơi thở của cuộc sống để hoàn thiện thể chế". Cuộc sống đang phát triển với tốc độ rất cao nên "tuổi thọ" của văn bản thường bị rút ngắn, nhất là những văn bản được xây dựng quá lâu thì có thể ngay khi ra đời đã bị lạc hậu. Vì thế phải thường xuyên tổng kết thi hành pháp luật, rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật, kịp thời phát hiện và khắc phục những điểm bất cập, thiếu sót, mâu thuẫn, chồng chéo, lạc hậu để có phương án điều chỉnh, sửa chữa.

Chống "lợi ích nhóm" trong xây dựng pháp luật cũng là nhiệm vụ cấp bách hiện nay. Nó xuất phát từ thực tế, việc xây dựng luật ở nước ta thường được giao cho các cơ quan thuộc Chính phủ hoặc cơ quan trực tiếp quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực liên quan. Vì thế, họ thường quan tâm đến việc bảo vệ lợi ích cục bộ của ngành. Bên cạnh đó, "tư duy nhiệm kỳ" trong công tác xây dựng luật vẫn còn tồn tại. Trước thực trạng đó, khi phát biểu tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai công tác tư pháp năm 2017, nguyên Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh: "Chúng ta không chấp nhận văn bản pháp luật ban hành có nội dung không vì lợi ích toàn xã hội mà vì lợi ích riêng của một bộ, ngành nào đó. Bộ Tư pháp cần rút kinh nghiệm và làm gương những việc này, không được "cài cắm" vào luật những nội dung không vì lợi ích chung mà để phục vụ lợi ích riêng của đơn vị, ngành mình hoặc một nhóm người nào đó bị chi phối"[19]. Để thực hiện nguyên tắc công bằng, bình đẳng của pháp luật, cần chú trọng kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi "tham nhũng, trục lợi chính sách".

Bốn là, *nâng cao chất lượng của cán bộ và các cơ quan xây dựng pháp luật*

Những hạn chế trong xây dựng văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ có nhiệm vụ xây dựng pháp luật. Phải thừa nhận rằng, năng lực, trình độ, tầm nhìn của đội ngũ cán bộ, công chức xây dựng pháp luật còn nhiều hạn chế. Xây dựng pháp luật là công việc rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi những người trực tiếp thực hiện và quyết định phải có năng lực phân tích chính sách và soạn thảo văn bản pháp luật. Tuy nhiên, trong Quốc hội, tỷ lệ đại biểu chuyên trách còn

chưa cao cho dù đã từng bước tăng lên (Nhiệm kỳ XI có 23.9 %, nhiệm kỳ XII có 29,2%; nhiệm kỳ XIII có 30,8%, nhiệm kỳ XIV có tỷ lệ 33,6%, nhiệm kỳ XV có 38,6%). Với tỷ lệ đại biểu chuyên trách thấp như vậy thì hoạt động của Quốc hội khó đạt tính chuyên nghiệp cao; nhiều bộ luật đã được Quốc hội thông qua đã phải liên tiếp bổ sung, sửa chữa. Lúc này, cần thực hiện chủ trương của Đảng tại Đại hội XII là "nâng cao chất lượng đại biểu, tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách một cách hợp lý"[20]. Cũng phải tăng cường kỷ luật, chế độ trách nhiệm, chế tài xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức trong công tác xây dựng pháp luật nếu như để sai sót và "lợi ích nhóm" tồn tại.

Năm là, *đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực luật pháp*

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với thế giới nên cần cải cách luật pháp theo hướng vừa bảo đảm lợi ích, phát huy thế mạnh trong nước, vừa bảo đảm sự hài hòa, tương thích với các tiêu chuẩn chung của luật pháp quốc tế, nhất là khi Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều điều ước quốc tế. Lúc này, phải *nội luật hóa* đầy đủ và phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như hiệp định *Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương* (CPTPP); *Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU* (EVFTA); *Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU* (EVIPA); *Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực* (RCEP)... Việt Nam cần chủ động tham gia các diễn đàn đa phương về pháp luật và thỏa thuận song phương, đa phương về hợp tác pháp luật và tư pháp. Cũng cần cố gắng chuyển từ việc chỉ tham gia các "luật chơi" định sẵn thành việc tham gia thiết kế luật pháp trên trường quốc tế, từng bước đề xuất các điều ước quốc tế từ thực tiễn Việt Nam. Cũng cần có cơ chế thu hút chuyên gia nước ngoài và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài để gia tăng nguồn tư vấn cho công tác xây dựng luật. Khi làm việc đó, bên cạnh cơ chế đãi ngộ xứng đáng, cần khơi gợi lòng yêu nước, tinh thần dân tộc của đội ngũ chuyên gia Việt Kiều như Hồ Chí Minh từng thực hiện. Cũng cần tăng cường tham khảo kinh nghiệm xây dựng luật ở các quốc gia phát triển để chọn lọc, học tập ở đó những điều phù hợp với Việt Nam.

Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng Nhà nước dân chủ bao nhiêu thì cũng quan tâm đến công tác lập pháp bấy nhiêu. Tư tưởng Hồ Chí Minh về luật pháp không chỉ là cơ sở lý luận chỉ đạo công cuộc xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp Việt Nam trong ¾ thế kỷ qua mà ở một khía cạnh nhất định, đó còn là một phần của văn minh pháp lý của nhân loại. Thế giới đã thừa nhận: "Các dân tộc từ chối con đường đau khổ của chủ nghĩa tư bản có thể tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh một hướng đi thích hợp cho sự lựa chọn của mình"[21], kể cả trong vấn đề xây dựng pháp luật xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa./.

(1) Dẫn theo Thu Trang: *Nguyễn Ái Quốc ở Pari* (2000), Nxb. CTQG, H., tr.146.

(2) Dẫn theo Nguyễn Khắc Nho: *Hồ Chí Minh về văn hóa làm người* (2015), Nxb. CTQG, H., tr.89.

(3), (7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (2011), Nxb. CTQG, H., T.1, tr.473, 445.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, T.4, tr.7.

(5) Xem: *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử* (2016), Nxb. CTQG, H., T.3, tr.36.

(6), (10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, T.9, tr.259, 258.

(8), (14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, T.10, tr.511, 510.

(9) *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960* (1994), Nxb. CTQG, H., 1994, tr.98.

(11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, T.15, tr.617.

(12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, T.5, tr.473.

(13) *Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và các Hiến pháp Việt Nam 1946, 1959, 1980, 1992* (2007), Nxb. CTQG, H., tr.12.

(15) Vũ Đình Hòe: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh* (2008), Nxb. Trẻ, TP Hồ Chí Minh, tr.924.

(16) (17) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (2021), Nxb. CTQG Sự thật, H., T.1, tr.175, 119.

(18) Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945- 2000* (2002), Nxb.Khoa học xã hội, H., T.1, tr.184

(19) https://www.vietnamplus.vn/thu-tuong-yeu-cau-chong-loi-ich-nhom-trong-xay-dung-phap-luat/422208.vnp

(20) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII* (2016), Nxb. CTQG, H., tr.177.

(21) UNESCO - Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam: *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh* (1990), Nxb. KHXH, H., tr. 43-44.